| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 303/2024/QĐST-DS | *Quận 8, ngày 22 tháng 8 năm 2024.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Dương Triều Xuân

2. Bà Nguyễn Thị Kính

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 209, Điều 219, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 167/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp chia tài sản chung"

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Ông Trần H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. *Bị đơn*: Bà Trần A, sinh năm: 1958; Địa chỉ: 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Trần Sơn L, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 169/5 đường T, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần A (Giấy ủy quyền số công chứng 007327, quyển số: 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2021).

1.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1.3.1. Ông Trần C, sinh năm: 1948;

1.3.2. Bà Hứa Thị H, sinh năm: 1960;

1.3.3. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1970;

1.3.4. Ông Trần Truyền D, sinh năm: 1991;

1.3.5. Bà Trần Bội Q, sinh năm: 1996;

Cùng địa chỉ: 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị N, ông Trần Truyền D, ông Trần Bội Q (theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng: 538, quyển số: 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/3/2024 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Dương).

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nhà, đất toạ lạc tại 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Trần A và ông Trần H; Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 3659/2008/GCN do Uỷ ban nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2008; Cập nhật biến động cho bà Trần A và ông Trần H ngày 13/7/2018.

2.2. Giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất toạ lạc tại 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 10.699.816.000 (Mười tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu tám trăm mười sáu ngàn) đồng.

2.3. Bà Trần A và ông Trần H, mỗi người được nhận phần sở hữu có giá trị tương đương là 10.699.816.000 đồng x ½ = 5.349.908.000 (Năm tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám ngàn) đồng, cụ thể:

Ông Trần H được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất toạ lạc tại số 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền là 5.349.908.000 (Năm tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám ngàn) đồng.

Bà A được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất toạ lạc tại số 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền là 5.349.908.000 (Năm tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám ngàn) đồng.

2.4. Bà Trần A được phép lưu cư tại nhà số 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 30/7/2025. Kể từ ngày 31/7/2025, bà Trần A và ông Trần H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất tọa lạc tại 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 3659/2008/GCN do Uỷ ban nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2008; Cập nhật biến động cho bà Trần A và ông Trần H vào ngày 13/7/2018. Bà Trần A và ông Trần H được hưởng 1/2 giá trị nhà đất tọa lạc tại 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí theo quy định pháp luật.

2.5. Những người cư ngụ tại nhà số 28 đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Bà Trần A, bà Hứa Thị H, ông Trần H, bà Trần Thị N, ông Trần Truyền D, bà Trần Bội Q, ông Trần C có trách nhiệm giao đất và tài sản gắn liền với đất để các cơ quan chức năng phát mãi tài sản đúng quy định pháp luật.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

2.6.1. Án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần H miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0046218 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Bà Trần A miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.6.2. Chi phí tố tụng khác.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và Chi phí thẩm định giá tài sản là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng ông Trần H và bà Trần A phải chịu, cụ thể:

Ông Trần H phải chịu chí phí tố tụng là 11.000.000 (Mười một triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là

22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng; Theo Phiếu thu số 09 ngày 25/3/2024 và Phiếu thu số: 001240 ngày 13/5/2024.

Bà Trần A phải chịu chí phí tố tụng là 11.000.000 (Mười một triệu) đồng, bà Trần A có trách nhiệm hoàn trả số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng cho ông Trần H.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Cửu Thị Mẫn**